

Hạ Long, ngày 21 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng (tỷ lệ 1/10.000) huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010 – 2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Quyết định số 4444/2007/QĐ-UBND ngày 29/11/2007 của UBND tỉnh “V/v ban hành quy định về trình tự chấp thuận địa điểm xây dựng và lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng...”;

Căn cứ Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 09/6/2009 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2009 – 2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025”;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 556/TTr-SXD ngày 20/12/2010; kèm theo hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch đã được Ủy ban Nhân dân huyện Ba Chẽ thỏa thuận; Sở Xây dựng thẩm định, trình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng (tỷ lệ 1/10.000) huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010 – 2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025 với các nội dung sau:

1. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch:

- Bao gồm toàn bộ phạm vi ranh giới hành chính huyện Ba Chẽ, hiện tại có 08 đơn vị hành chính gồm 01 thị trấn Ba Chẽ và 07 xã (Đồn Đạc, Nam Sơn, Thanh Sơn, Thanh Lâm, Đạp Thanh, Lương Mông, Minh Cầm). Cụ thể:

+ Phía Bắc giáp huyện Đình Lập (Lạng Sơn).

+ Phía Nam giáp Hoàn Bò và Cẩm Phả.

+ Phía Đông giáp Tiên Yên.

+ Phía Tây giáp Sơn Động (Bắc Giang).

- Quy mô diện tích tự nhiên của huyện là 605,6 km².

2. Tính chất:

- Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của huyện.

- Điểm văn hóa hội tụ cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện.

- Phát triển Ngành nghề (nông, lâm nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, chế biến nông, lâm sản).

3. Quy mô:

3.1. Quy mô dân số:

- Quy mô dân số toàn đô thị:

+ Hiện trạng năm 2008: 18.827 người.

+ Hiện trạng năm 2009: 18.961 người.

+ Năm 2015: 20.608 người.

+ Năm 2020: 28.388 người.

+ Năm 2025: 39.458 người.

- Quy mô dân số nội thị (thị trấn Ba Chẽ và một phần mở rộng tại xã Nam Sơn):

+ Hiện trạng năm 2008: 4.039 người.

+ Năm 2015: 4.420 người.

+ Năm 2020: 4.713 người.

+ Năm 2025: 7.000 người.

3.2. Quy mô đất đai xây dựng huyện Ba Chẽ trong các giai đoạn quy hoạch:

Stt	Danh mục các loại đất	Hiện trạng 2010(ha)	Giai đoạn quy hoạch(ha)		
			2015	2020	2025
I	Trung tâm huyện lỵ Ba Chẽ	347	377	437	497
II	Tiểu vùng 1: Đạp Thanh, Lương Mông, Minh Cầm.	1.171,97	1.247,31	1.273,99	1.297
III	Tiểu vùng 2: Đồn Đạc, Nam Sơn, Thanh Sơn, Thanh Lâm	1.661,52	1.556,18	1.469,5	1.386,49
	Tổng	3.180,49	3.180,49	3.180,49	3.180,49

4. Quy hoạch sử dụng đất toàn huyện đến năm 2025:

- Bảng cơ cấu sử dụng đất trong các giai đoạn quy hoạch huyện ba chẽ giai đoạn 2010 ÷ 2025:

Stt	Danh mục các loại đất	Hiện trạng 2010(ha)	Giai đoạn quy hoạch(ha)		
			2015	2020	2025

I	Trung tâm huyện lỵ Ba Chẽ	347	377	437	497
1	Đất dân dụng	74,3	120,4	157,07	213,6
	- Đất ở đô thị	23,8	51,3	61,0	83,6
	- Đất công trình công cộng	14,1	17,1	23,07	31,07
	- Đất cây xanh thể dục thể thao	9,1	16,46	27	40,76
	- Đất giao thông	27,3	35,54	46	58,17
2	Đất ngoài khu dân dụng	272,7	256,6	279,93	283,4
	- Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	2	7	7	10
	- Đất nghĩa trang, bãi rác.	3	3	5	5
	- Đất chuyên dùng.	71	49,9	71,23	71,7
	- Đất đồi núi, mặt nước và đất khác	196,7	196,7	196,7	196,7
II	Tiểu vùng 1: Đạp Thanh, Lương Mông, Minh Cầm.	1.171,97	1.247,31	1.273,99	1.297
1	Đất dân dụng	31,37	34,21	60,89	83,9
	- Đất ở đô thị	22,15	24,1	39,94	56,65
	- Đất công trình công cộng	2,96	3,24	7,77	10,3
	- Đất cây xanh, thể dục thể thao	2,4	2,63	5,09	6,35
	- Đất giao thông	3,86	4,24	8,09	10,6
2	Đất ngoài khu dân dụng	1.140,6	1.213,1	1.213,1	1.213,1
	- Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp		50	50	50
	- Đất giao thông đối ngoại	19,5	39	39	39
	- Đất nghĩa trang, bãi rác.	3	6	6	6
	- Đất đặc biệt (quân sự).	7,5	7,5	7,5	7,5
	- Đất mặt nước, cây xanh đặc thù	343,8	343,8	343,8	343,8
	- Đất dự trữ phát triển và đất khác	714,2	702,6	690	690
	- Giao thông nông thôn	52,6	64,2	76,8	76,8
III	Tiểu vùng 2: Đồn Đạc, Nam Sơn, Thanh Sơn, Thanh Lâm	1.661,52	1.556,18	1.469,5	1.386,49
1	Đất dân dụng	86,77	94,47	137,89	184,59
	- Đất ở nông thôn	65,1	70,7	101,6	134,7
	- Đất công trình công cộng	8,08	8,86	14,12	19,56
	- Đất cây xanh, thể dục thể thao	4,03	4,42	6,55	9,27
	- Đất giao thông	9,56	10,49	15,62	21,06
2	Đất ngoài khu dân dụng	1.574,75	1.461,71	1.331,61	1.201,9
	- Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	3,14	54	94	94
	- Đất giao thông đối ngoại	26,25	52,5	52,5	52,5

	- Đất nghĩa trang, bãi rác.	9,79	13,79	10	10
	- Đất đặc biệt (quân sự).	10	10	10	10
	- Đất mặt nước, cây xanh	458,4	458,4	458,4	458,4
	- Đất dự trữ phát triển và đất khác	996,97	787,32	604,25	475,25
	- Giao thông nông thôn	70,2	85,7	102,46	102,46
IV	Tổng diện tích đất XD trong các giai đoạn (dùng trong quỹ đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng của huyện).	3.180,49	3.180,49	3.180,49	3.180,49
	- Diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp.	57,382	57,382	57,382	57,382
	- Diện tích đất phi nông nghiệp.	1.284			
	- Diện tích đất chưa sử dụng.	1.896,49	3.180,49	3.180,49	3.180,49
V	Tổng diện tích đất tự nhiên	60.562,49	60.562,49	60.562,49	60.562,49

- Tổng hợp đất đai xây dựng các khu dân dụng toàn huyện theo các giai đoạn quy hoạch:

STT	Hạng mục	Hiện trạng(ha) 2010	Giai đoạn quy hoạch(ha)		
			2015	2020	2025
1	Đất ở	112	121,3	177,8	233
2	Đất công trình công cộng	14,5	27,4	41,89	57,86
3	Đất cây xanh, TDTT	7,3	16,45	38,69	45,62
4	Đất giao thông	14,5	44,7	62,69	80,66
	Tổng	148,3ha	208,85ha	321,07ha	417,14ha

5. Định hướng phát triển không gian đến năm 2025:

5.1. Phát triển không gian đô thị đến năm 2025: Toàn huyện Ba Chẽ được hình thành phát triển làm 03 vùng, bao gồm như sau:

a) Trung tâm huyện Ba Chẽ: Mở rộng địa giới hành chính với tổng diện tích đất nghiên cứu 497ha, bao gồm đất hiện trạng trung tâm Ba Chẽ và đất quy hoạch mở rộng khoảng 150ha (phát triển về phía Nam Sơn, dọc sông Ba Chẽ đến khu Làng Cũ và Sơn Hải) nâng cấp lên đô thị loại IV đến năm 2025 với quy mô diện tích 497ha, dân số 7.000người.

b) Tiểu vùng 1 (03 xã Đạp Thanh, Lương Mông, Minh Cầm): Phát triển Ngành nghề (Chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, chế biến nông, lâm sản). Quy mô diện tích 1.297ha, dân số 9.617 dân vào năm 2025.

c) Tiểu vùng 2 (04 xã Thanh Lâm, Thanh Sơn, Nam Sơn, Đồn Đạc): Phát triển mở rộng tại các điểm trung tâm xã và cụm công nghiệp, tiểu thủ công

nghiệp tại xã Thanh Lâm, Nam Sơn và các trạm, trại phục vụ cho phát triển kinh tế chủ lực. Quy mô diện tích 1.386,49ha, dân số 16.361,49 dân vào năm 2025.

5.2. Phân vùng phát triển không gian đô thị:

a. Trung tâm huyện Ba Chẽ: Gồm trung tâm thị trấn Ba Chẽ và một phần diện tích xã Nam Sơn:

- Quy mô:

+ Quy mô dân số: 7.000 dân vào năm 2025.

+ Quy mô sử dụng đất: Mở rộng địa giới hành chính với tổng diện tích đất nghiên cứu 497ha, trong đó quy hoạch mở rộng khoảng 150ha và diện tích thị trấn Ba Chẽ hiện trạng cũ.

- Tính chất: Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của huyện.

- Hướng phát triển: Quy hoạch mở rộng khoảng 150ha phát triển về phía Nam Sơn, dọc sông Ba Chẽ đến khu làng Cũ và Sơn Hải. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị tạo tiền đề cho phát triển tập trung các ngành dịch vụ thương mại và công nghiệp, các dịch vụ về y tế, đào tạo, dịch vụ thông tin, tài chính, ngân hàng phục vụ phát triển kinh tế xã hội toàn huyện.

- Hình thái kiến trúc: Kiến trúc truyền thống nhà ở không xây dựng quá 5 tầng, khuyến khích khoảng lùi chỉ giới xây dựng để tạo không gian cảnh quan trước nhà. Mật độ xây dựng không quá 70%. Công trình công cộng, dịch vụ không xây dựng cao trên 10 tầng. Mật độ xây dựng dưới 40%.

- Quy hoạch sử dụng đất cho Trung tâm huyện Ba Chẽ:

Stt	Danh mục các loại đất	Hiện trạng 2010(ha)	Giai đoạn quy hoạch(ha)		
			2015	2020	2025
I	Trung tâm huyện lỵ Ba Chẽ	347	377	437	497
1	Đất dân dụng	74,3	120,4	157,07	213,6
	- Đất ở đô thị	23,8	51,3	61,0	83,6
	- Đất công trình công cộng	14,1	17,1	23,07	31,07
	- Đất cây xanh thể dục thể thao	9,1	16,46	27	40,76
	- Đất giao thông	27,3	35,54	46	58,17
2	Đất ngoài khu dân dụng	272,7	256,6	279,93	283,4
	- Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	2	7	7	10
	- Đất nghĩa trang, bãi rác.	3	3	5	5
	- Đất chuyên dùng.	71	49,9	71,23	71,7
	- Đất đồi núi, mặt nước và đất khác	196,7	196,7	196,7	196,7

b. Tiểu vùng 1 (03 xã Đạp Thanh, Lương Mông, Minh Cẩm):

- Quy mô:

+ Quy mô dân số: 9.617 dân vào năm 2025.

+ Quy mô sử dụng đất: Tổng diện tích đất nghiên cứu 1.297ha (chủ yếu tập chung mở rộng tại phân cụm xã).

- Tính chất: Điểm văn hóa hội tụ cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện. Phát triển ngành nghề (Nông, lâm nghiệp, sản xuất đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, chế biến nông, lâm sản).

- Hướng phát triển: Từng bước phát triển mở rộng tại các điểm trung tâm xã và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch tại xã Đạp Thanh, sản xuất đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, chế biến nông, lâm sản.

+ Cụm công nghiệp xã Đạp Thanh: Ngành nghề (Chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, chế biến nông, lâm sản); Quy mô khoảng 50 ha tại Bắc Xa; số công nhân khoảng 1.500 người.

+ Gồm các trạm, trại phục vụ cho phát triển kinh tế chủ lực, trạm giống cây trồng 0,5 ha, trạm cung ứng vật tư nông nghiệp 0,3 ha, trạm khuyến nông 0,2 ha. Bố trí tại trung tâm tiểu vùng ở xã Đạp Thanh.

- Hình thái kiến trúc: Kiến trúc truyền thống nhà ở không xây dựng quá 2 tầng. Mật độ xây dựng không quá 25%. Công trình công cộng, dịch vụ không xây dựng cao trên 3 tầng. Mật độ xây dựng dưới 40%.

- Quy hoạch sử dụng đất 03 xã Đạp Thanh, Lương Mông, Minh Cầm (Tiểu vùng 1):

Stt	Danh mục các loại đất	Hiện trạng 2010(ha)	Giai đoạn quy hoạch(ha)		
			2015	2020	2025
II	Tiểu vùng 1: Đạp Thanh, Lương Mông, Minh Cầm.	1.171,97	1.247,31	1.273,99	1.297
1	Đất dân dụng	31,37	34,21	60,89	83,9
	- Đất ở đô thị	22,15	24,1	39,94	56,65
	- Đất công trình công cộng	2,96	3,24	7,77	10,3
	- Đất cây xanh, thể dục thể thao	2,4	2,63	5,09	6,35
	- Đất giao thông	3,86	4,24	8,09	10,6
2	Đất ngoài khu dân dụng	1.140,6	1.213,1	1.213,1	1.213,1
	- Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp		50	50	50
	- Đất giao thông đối ngoại	19,5	39	39	39
	- Đất nghĩa trang, bãi rác.	3	6	6	6
	- Đất đặc biệt (quân sự).	7,5	7,5	7,5	7,5
	- Đất mặt nước, cây xanh đặc thù	343,8	343,8	343,8	343,8
	- Đất dự trữ phát triển và đất khác	714,2	702,6	690	690
	- Giao thông nông thôn	52,6	64,2	76,8	76,8

c. Tiểu vùng 2 (04 xã Thanh Lâm, Thanh Sơn, Nam Sơn, Đồn Đạc):

- Quy mô:

+ Quy mô dân số: Khoảng 16.361,49 dân.

+ Quy mô sử dụng đất: Tổng diện tích đất nghiên cứu 1.386,49ha (chủ yếu tập chung mở rộng tại phân cụm xã).

- Tính chất: Điểm văn hóa hội tụ cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện. cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (Chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, chế biến nông, lâm sản) tại xã Thanh Lâm, Nam Sơn và các trạm, trại phục vụ cho phát triển kinh tế chủ lực.

- Hướng phát triển: Từng bước phát triển mở rộng tại các điểm trung tâm xã và khu công nghiệp, cảng thủy nội địa tại xã Nam Sơn, Thanh Lâm và các trạm, trại, hình thành nhà máy gạch các khu khai thác mỏ sét phục vụ, nuôi trồng thủy hải sản.

- Hình thái kiến trúc: Kiến trúc truyền thống nhà ở không xây dựng quá 2 tầng. Mật độ xây dựng không quá 25%. Mật độ xây dựng không quá 25%. Công trình Công cộng, dịch vụ không xây dựng cao trên 3 tầng. Mật độ xây dựng dưới 40%;

- Quy hoạch sử dụng đất cho 04 xã Thanh Lâm, Thanh Sơn, Nam Sơn, Đồn Đạc (Tiểu vùng 2):

Stt	Danh mục các loại đất	Hiện trạng 2010(ha)	Giai đoạn quy hoạch(ha)		
			2015	2020	2025
III	Tiểu vùng 2: Đồn Đạc, Nam Sơn, Thanh Sơn, Thanh Lâm	1.661,52	1.556,18	1.469,5	1.386,49
1	Đất dân dụng	86,77	94,47	137,89	184,59
	- Đất ở nông thôn	65,1	70,7	101,6	134,7
	- Đất công trình công cộng	8,08	8,86	14,12	19,56
	- Đất cây xanh, thể dục thể thao	4,03	4,42	6,55	9,27
	- Đất giao thông	9,56	10,49	15,62	21,06
2	Đất ngoài khu dân dụng	1.574,75	1.461,71	1.331,61	1.201,9
	- Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	3,14	54	94	94
	- Đất giao thông đối ngoại	26,25	52,5	52,5	52,5
	- Đất nghĩa trang, bãi rác.	9,79	13,79	10	10
	- Đất đặc biệt (quân sự).	10	10	10	10
	- Đất mặt nước, cây xanh	458,4	458,4	458,4	458,4
	- Đất dự trữ phát triển và đất khác	996,97	787,32	604,25	475,25
	- Giao thông nông thôn	70,2	85,7	102,46	102,46

6. Trung tâm thương mại trên lãnh thổ huyện.

- Bố trí trong mỗi xã, thị trấn một khu chợ, quy mô 2.000m²/chợ - 8.000m²/chợ.

6.1. Giai đoạn đầu 2015: Đầu tư, nâng cấp chợ thị trấn Ba Chẽ; Chợ Lương Mông (0,5 - 0,8 ha); Chợ Đạp Thanh (0,5ha); Chợ Thanh Lâm (0,5ha); Chợ Tàu Tiên tại Đồn Đạc (0,5ha).

- Xây mới chợ: Thanh Sơn, Nam Sơn.

- Xây dựng 02 cửa hàng kiêm kho ở Sơn Hải (xã Nam Sơn), Nam Kim (xã Đồn Đạc). Bố trí 01 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tại thị trấn Ba Chẽ, quy mô 0,2 - 0,5 ha.

6.2. Giai đoạn đến 2020: Xây dựng các cửa hàng kiêm kho ở các khu: Khe Lò, Khe Loong Trong (xã Thanh Sơn), Đồng Loóng, Làng Dạ (xã Thanh Lâm), Đồng Dong (xã Minh Cầm), Phiếng Liếng (xã Đạp Thanh), Tàu Tiên (xã Đồn Đạc).

6.3. Giai đoạn 2020-2025: Xây dựng Trung tâm thương mại của huyện tại Đầm Buôn; xây dựng 01 cơ sở kinh doanh khí đốt hoá lỏng tại thị trấn; xây dựng 01 cụm thương mại khu đầu cầu Ba Chẽ.

7. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng, bến bãi, trạm, trại:

7.1. Kho tàng, bến bãi: Xây dựng cảng thủy Nội địa tại khu vực Nam Kim, quy mô 1,5 - 2 ha. Khôi phục cảng Đầm Buôn (thị trấn Ba Chẽ) làm cảng hàng hoá cho thị trấn Ba Chẽ và vùng xung quanh, gắn với các bến cảng là hệ thống kho tàng.

7.2. Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp: Các nghề thủ công hiện có đang hoạt động trên địa bàn gồm:

- Dây chuyền sản xuất gỗ gia dụng và văn phòng (hiện trạng): 09 cơ sở tại thị trấn Ba Chẽ, Đồn Đạc;

- Xưởng xẻ gỗ: Xã Đạp Thanh 01 cơ sở; Xã Thanh Lâm 01 cơ sở (hiện trạng), 01 cơ sở mới; Xã Nam Sơn 01 cơ sở (dự kiến).

- Chế biến thịt gia súc, gia cầm: 01 cơ sở Tại thị trấn (0,2 - 0,3ha); Tại xã Đạp Thanh đầu tư kho lạnh (0,2- 0,3ha), công suất 50 con/giờ.

- Trung cất tinh dầu quế: Bố trí tại xã Nam Sơn, công suất 3.000 ÷ 3500 lít/năm. Quy mô khoảng 0,3ha.

- Xưởng giấy xuất khẩu: Cơ sở tại Nam Sơn, quy mô 0,5ha.

- Sản xuất ván dăm: Đầu tư nhà máy ván ép tại Nam Sơn, công suất 5.000m³ gỗ/năm. Quy mô khoảng 0,5ha.

- Sản xuất rượu ba kích: Xây dựng 01 cơ sở tại Đồn Đạc, quy mô khoảng 0,5ha, công suất: 600.000 lít/năm (bố trí trong cụm công nghiệp).

- Sản xuất đồ gỗ thủ công mỹ nghệ: Đầu tư tại Nam Sơn, công suất 3.000 sản phẩm năm, quy mô khoảng 0,5ha.

- Sản xuất chế biến thực phẩm: 02 cơ sở ở Đồn Đạc và Đạp Thanh, quy mô 0,2ha; 01 cơ sở (bố trí trong cụm công nghiệp).

Tổng diện tích đất đai giành bố trí cho các cơ sở tiểu thủ công nghiệp khoảng 4 ha.

7.3. Quy hoạch các cụm công nghiệp: Theo quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội, quy hoạch phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp huyện Ba Chẽ giai đoạn đến năm 2020. Ba Chẽ sẽ phát triển các ngành chủ lực như sau: Ngành chế biến nông, lâm sản, thực phẩm; Ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; Ngành công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản; Ngành công nghiệp điện; Ngành công nghiệp nước. Trong đó quy hoạch gắn với cụm công nghiệp tập trung gồm 03 cụm như sau:

- Cụm công nghiệp xã Nam Sơn: Ngành nghề (Sơ chế nguyên liệu gỗ ván dăm, chế biến gỗ ghép thanh, sản xuất mây tre đan, gỗ mỹ nghệ, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, chế biến miến dong, sản xuất vật liệu xây dựng, sơ chế khoáng sản, lắp ráp chế tạo sửa chữa cơ khí). Quy mô khoảng 50 ha, chức năng bao gồm (Đất nhà máy kho tàng 30ha; đất các khu kỹ thuật 2,5ha; công trình hành chính, dịch vụ 2,5ha; đất cây xanh 7,5ha; đất giao thông 7,5ha); số công nhân khoảng 1.500 người.

- Cụm công nghiệp xã Đạp Thanh: Ngành nghề (Chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, chế biến nông, lâm sản); Quy mô khoảng 50 ha, tại Bắc Xa; Số công nhân khoảng 1.500 người.

- Cụm công nghiệp xã Thanh Lâm: Ngành nghề (Chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất đồ gỗ xuất khẩu, chế biến thức ăn gia súc); Quy mô khoảng 40 ha, tại làng Lốc; Số công nhân khoảng 1.200 người.

- Hệ thống trạm, trại:

+ Tiểu vùng 1: Gồm 03 xã (Đạp Thanh, Lương Mông, Minh Cầm) gồm các trạm, trại phục vụ cho phát triển kinh tế chủ lực, trạm giống cây trồng 0,5 ha, trạm cung ứng vật tư nông nghiệp 0,3 ha, trạm khuyến nông 0,2 ha. Bố trí tại trung tâm tiểu vùng ở xã Đạp Thanh.

+ Tiểu vùng 2: Gồm 04 xã và thị trấn (Thanh Lâm, Thanh Sơn, Nam Sơn, Đồn Đạc): Trồng cây ăn quả, rừng nguyên liệu, hệ thống trạm, trại tập trung xây dựng ở khu vực Nam Sơn. Quy mô khoảng 1 - 2 ha.

8. Nuôi trồng thủy sản và tài nguyên khoáng sản:

8.1. Vùng nuôi trồng thủy sản: Quy mô khoảng 71,7ha được quy hoạch tại xã Nam Sơn, trong đó: Đầm Ngòi Quan 17,6ha; đầm Trương Đường 29,3ha; đầm Lý Đồng 11,8ha; đầm ông Trọng 1,5ha; đầm ông Công 8,5ha; đầm Ngòi Lấp 3ha.

8.2. Vùng tài nguyên khoáng sản: Vùng làng Mới và Sơn Hải của Nam Sơn có vùng tài nguyên sét khá lớn và có chất lượng cao, chiều dài vùng có sét khoảng 3km. Quy mô khoảng 200 ha tại làng Mới xã Nam Sơn.

9. Khu du lịch, dịch vụ:

9.1. Du lịch ở vùng tài nguyên rừng, mặt nước:

- Điểm du lịch sinh thái Thác Trúc - Khe Lạnh (Thanh Sơn). Điểm du lịch sinh thái Khe O - Nam Kim ngoài (Đồn Đạc). Điểm du lịch sinh thái Đèo Giang.

Du lịch sinh thái sông Ba Chẽ (cầu Ba Chẽ - Thị trấn) trong giai đoạn đến năm 2015.

- Xây dựng các điểm du lịch sau: Điểm du lịch sinh thái thảo nguyên Khe Lây. Điểm du lịch sinh thái Khe Xoong (trong giai đoạn đến năm 2020 và ngoài 2025).

9.2. Vùng di tích lịch sử văn hoá: Đầu tư bảo tồn tu bổ di tích lịch sử cách mạng đình Làng Dạ (Thanh Lâm); di tích lịch sử cách mạng Khe Lao (Lương Mông); Khu (làng) văn hoá các dân tộc tại thị trấn Ba Chẽ.

9.3. Các loại hình dịch vụ khác: Phát triển các loại hình về dịch vụ vận tải, dịch vụ tài chính, ngân hàng, dịch vụ cung cấp nhiên liệu xăng, dầu, ga. Ba Chẽ sẽ có 07 cửa hàng phục vụ bán lẻ xăng dầu, quy mô sử dụng đất khoảng 2.000m² - 3.000 m² /cửa hàng.

10. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

10.1. Giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

Đường bộ:

- Đường cao tốc (Hạ Long - Móng Cái): Dự kiến đi qua phía Nam các xã Đồn Đạc, Nam Sơn. Mặt cắt hành lang tuyến rộng khoảng 70 - 80m (theo dự án đường cao tốc).

- Tỉnh Lộ: Ba Chẽ có 03 trục tỉnh lộ đang nâng cấp, với tổng chiều dài L = 131km, bao gồm: Tỉnh lộ 330 (Hà Dong - Ba Chẽ - Lương Mông - Sơn Động, L = 65 km); tỉnh lộ 342 (Thanh Lâm - Kỳ Thượng (Hoành Bồ), L = 36 km); tỉnh lộ 329 (Thị trấn Ba Chẽ - Mông Dương (Cầm Phả), L = 30 km).

+ Mặt cắt bố trí 2 làn xe, bề rộng mặt đường rộng 7m, tốc độ thiết kế 50 - 60km/h, lề đường mỗi bên tối thiểu 2,5 m để bố trí bảo vệ mặt đường và thoát nước. Mặt cắt đường tỉnh lộ là (1-1): 2,5m + 7m + 2,5m = 12m (mặt 7m, nền 12m), tiêu chuẩn cấp 3.

Đường sắt:

- Đường sắt (Hạ Long - Móng Cái) quy hoạch dự kiến đi qua phía Nam các xã Đồn Đạc, Nam Sơn bám theo tuyến đường cao tốc quy hoạch.

Đường thủy:

- Dọc theo bờ sông Ba Chẽ phát triển giao thông đường thủy loại nhỏ chủ yếu là thuyền. Cải tạo, nâng cấp mới cảng thủy Nội địa ở Nam Sơn (dự án đã được phê duyệt), cảng Đầm Buôn (thị trấn Ba Chẽ). Đối với bến thủy Nội địa (Nam Sơn - Đầm Buôn) cứ 1m dài cảng cần 100m² cho mặt bằng bến. 100m dài cảng cần 1 ha cho bến cảng, mức nước 0,6 - 1,2m cho tàu loại 40 - 300 DWT.

b. Giao thông đối nội:

- Đường huyện: Tổng chiều dài 94,484km, quy hoạch nâng cấp tuyến sau: (thị trấn - Khe Hà - Minh Cầm 42km; Khe Nháng - Khe Húng 8km; Tân Tiến - Nà Làng 16km; thị trấn - Nước Đùng 17km). Mặt đường 7m, lề mỗi bên 1,5m.

Mặt cắt (2-2): $1,5\text{m} + 7,0\text{m} + 1,5\text{m} = 10\text{m}$. (mặt 7m, nền 10m).

- Đường xã: $L = 122,8\text{km}$ (mặt 5,5m, nền 7,5m).

Mặt cắt (3-3): $1\text{m} + 5,5\text{m} + 1\text{m} = 7,5\text{m}$. $L = 74\text{km}$. (mặt 5,5m, lề mỗi bên 1m).

Mặt cắt (4-4): $1,25\text{m} + 3,5\text{m} + 1,25\text{m} = 6\text{m}$. $L = 48,8\text{km}$. (mặt 3,5 m, nền 6m).

- Đường đô thị trung tâm: Mặt cắt: $5\text{m} + 7\text{m} + 5\text{m} = 17\text{m}$; $L = 7,2\text{km}$.

- Cầu đường bộ: Xây dựng cầu cứng: Khe Tâm - Nam Sơn, Tân Tiến - Đồn Đạc, cầu Cao 2, cầu Treo (Thác Lân - Thanh Sơn), cầu Bắc Đoảng.

+ Cầu trần đường huyện: Trần Nam Hà dài 40m, mặt 6m; trần Nam Kim giữa dài 85m, mặt 6m; cầu trần Ba Chẽ dài 200m, mặt 6,5m; cầu treo Lang Cang dài 100m, rộng 4m; cầu Nà Mòn (Đồ Đạc) dài 50m, rộng 4m; cầu treo Khe Mầu (Đạp Thanh) dài 100m, rộng 4m; cầu treo Thác Mẹt dài 120m, rộng 4m.

+ Cầu trần trên đường xã: Cầu Khe Tum (Minh Cầm) dài 20m, rộng 6m; cầu treo Khe Tinh (Thanh Lâm) dài 110m, rộng 4m; cầu treo Khe Hồ (Nam Sơn) dài 65m, rộng 3m; trần Cái Gian 1 (Nam Sơn) dài 30m, rộng 6,5m; trần Khe Ninh (Thanh Sơn) dài 70m, rộng 6m; trần Mò Chi (Thanh Sơn) dài 40m, rộng 6m; trần Bắc Văn 01 (Thanh Sơn) dài 60m, rộng 6m; trần Bắc Văn 2 (Thanh Sơn) dài 70m, rộng 6m; trần Khe Lò 1 (Thanh Sơn) dài 70m, rộng 6m; trần Khe Lò 2 (Thanh Sơn) dài 60m, rộng 6m; trần Khe Nà 1 (Thanh Sơn) dài 50m, rộng 6m; trần Khe Nà 2 (Thanh Sơn) dài 35m, rộng 6m; trần Khe Gia (Đạp Thanh) dài 80m, rộng 6m; trần Đồng Quành (Minh Cầm) dài 40m, rộng 6m; trần Khe áng (Minh Cầm) dài 40m, rộng 6m.

- Xây dựng: Xây dựng bến xe thị trấn Ba Chẽ quy mô diện tích khoảng 0,5ha; xây dựng bến xe Đồng Giang (Lương Mông) quy mô diện tích khoảng 0,3ha; xây dựng bến xe Khe Nháng, bến xe Tàu Tiên, bến xe Bắc Xa quy mô diện tích khoảng 0,2ha.

10.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) San nền: Do địa hình huyện Ba Chẽ tương đối phức tạp. Cốt san nền do lũ, thủy triều khu vực huyện Ba Chẽ tối thiểu: + 3,50m, cốt san nền ở các khu không chế như sau:

- Thị trấn Ba Chẽ: Không chế cốt san nền cao độ từ +12 m ÷ + 20 m.

- Xã Đồn Đạc: Không chế cốt san nền cao độ từ + 30 m ÷ + 40 m.

- Xã Thanh Sơn: Không chế cốt san nền cao độ từ + 30 m ÷ + 40 m.

- Xã Thanh Lâm: Không chế cốt san nền cao độ từ + 40 m ÷ + 56 m.

- Xã Đạp Thanh: Không chế cốt san nền cao độ từ + 54 m ÷ + 65 m.

- Xã Minh Cầm: Không chế cốt san nền cao độ từ + 100 m ÷ + 125 m.

- Cốt xây dựng tùy theo địa hình khu vực từng xã và đỉnh lũ hàng năm để xác định cốt xây dựng như trên. Hạn chế thấp nhất việc san đồi phá vỡ địa hình cảnh quan khu vực.

b) Hệ thống thủy lợi đề điều:

Đến năm 2020 sẽ xây dựng:

- Xây mới các đập các xã: Xã Nam Sơn (đập Đông Hải); xã Đồn Đạc (đập Khe Tầu, Khe Nội, Nà Hác); thị trấn (đập Khe Lãng); xã Thanh Lâm (đập Khe Dít, đập Tài Tông, đập Khe Ớn, đập Khe Lào); xã Thanh Sơn (đập Bắc Vàn).

- Sửa chữa nâng cấp các đập các xã: Xã Thanh Sơn (đập Nà Ý); xã Lương Mông (đập Đồng Chúc, đập Cổ Ngựa); xã Đồn Đạc (đập Khe Vai trong, đập Đá Lợn, đập Nà Mò, đập Nà Hiền).

- Xây mới hồ chứa các xã: Xã Đạp Thanh (hồ chứa Khe Chảo, hồ Bắc Xa); xã Minh Cầm (Hồ chứa Đồng Tám).

- Hệ thống kênh dẫn xây mới các xã: Xã Đồn Đạc (kênh Nà Bắp, khe Vai Trong, Pín Nặng, chiu Văn Khoa, Khe Đá Lợn); xã Thanh Sơn (kênh Khe Phụt, Khe Nà, Nà Ý); xã Đạp Thanh (kênh Khe Năng).

- Xã Lương Mông: Kênh Đồng Lợi; Đồng Đội; Khe Toáng 2; Đồng Chúc.

Giai đoạn sau 2020 sẽ xây dựng:

- Xã Đạp Thanh: Xây mới đập Khe Phít; nâng cấp đập Đồng Dầm.

- Xã Đồn Đạc: Cải tạo nâng cấp kênh Nà Mò; kênh Nà Táng; kênh Nà Thía; Kênh Nà Hiền; kênh Phật Chi.

- Xã Lương Mông: Nâng cấp đập Cổ Ngựa.

- Xã Minh Cầm: Nâng cấp đập Đồng Quánh; cải tạo nâng cấp kênh Đồng Quánh.

10.3. Cấp nước:

Nhu cầu dùng nước: Tổng nhu cầu cấp nước năm 2009 (3.403 m³/ngđ); năm 2015 (5.672m³/ngđ); năm 2020 (6.850m³/ngđ); Năm 2025 (10.565m³/ngđ).

Nguồn nước: Nguồn cấp nước sinh hoạt cho các xã trong huyện là nguồn nước mặt, ở các sông, suối các xã, Ba Chẽ: sông Ba Chẽ, sông Quánh, sông Đoáng, sông Làng Công, sông Khe Hương.

- Nâng công suất nhà máy nước thị trấn Ba Chẽ cấp đủ nước sinh hoạt cho các xã. Số dân khoảng 5.000 dân vào năm 2020 (hiện tại mới cấp 3 khu). Công suất đảm bảo 2.000 m³/ngày đêm.

- Xã Lương Mông: Sửa chữa nâng cấp công trình nước sạch Khe Và, xây dựng mới (Khe Dò, Khe Giấy, Khe Um, Khe Lừ, phục vụ cho 142 hộ dân trong xã).

- Xã Minh Cầm: Công trình nước sinh hoạt Đồng Quánh phục vụ cho 25 hộ.

- Xã Đạp Thanh: Xây mới (Khe Pít, xóm Đình, xóm Mới, Bắc Tập phục vụ nước sinh hoạt cho 121 hộ).

Sau 2015 dự kiến xây dựng đập thủy điện, thủy lợi tại Đạp Thanh: 9.000.000 m³/năm cấp nước cho cả Tiên Yên, Vân Đồn.

- Xã Thanh Sơn: Xây mới thêm đập Khe Kha, đập Nam ún, Khe Pụt trong, giếng đào Khe Lọng trong, công trình nước sinh hoạt Khe Nùng, đập Khe Há phục vụ nước sinh hoạt cho 204 hộ dân.

- Xã Đồn Đạc: Xây dựng công trình nước sinh hoạt Cẩm Và, nâng cấp đường ống dẫn nước Tân Tiến, xây 2 giếng nước ở Nam Kim và Tân Tiến (cả mở rộng đường ống). Xây dựng thêm hệ thống nước tự chảy Pắc Cây, Khe Nhai, Phạt Chi, Khe Mần phục vụ cho 356 hộ.

- Xã Nam Sơn: Xây dựng thêm hệ thống nước tự chảy khe Hồ, cái Gian, làng Mới, khe Tâm, Bằng Lau, Nam Kim, Sơn Hải phục vụ cho 227 hộ.

- Xã Thanh Lâm xây dựng công trình nước sinh hoạt: Khe Trạng, khâu Cạy, khe Tập, khe Tính phục vụ cho 40 hộ dân.

Sau 2020 sẽ phát triển thành các trạm cấp nước sạch. Công trình làm mới sẽ phục vụ cho khoảng 1.115 hộ ở các xã và 476 hộ ở thị trấn.

10.4. Thoát nước mặt:

- Lưu vực sông Ba Chẽ: Thoát nước chính cho các xã phía Đông Bắc và Tây Nam là Thanh Lâm, Nam Sơn, Đạp Thanh, Thanh Sơn.

- Hệ thống sông Quánh: Thoát nước cho các xã Minh Cẩm, Lương Mông.

- Hệ thống sông Đoáng: Thoát nước cho các vùng Đạp Thanh, Thanh Lâm.

10.5. Cấp điện:

Nhu cầu dùng điện: Tổng nhu cầu dùng điện đến năm 2015 là 7.908 KW. Năm 2025: 33.709KW.

Nguồn Điện: Nguồn điện cấp cho Ba Chẽ lấy từ trạm trung gian Tiên Yên (110/35/10KV - 16MVA) nằm trong hệ thống mạng quốc gia. Cấp cho Ba Chẽ theo lộ 375 với tổng chiều dài lưới 35KV là 142,855km cấp cho thị trấn và tất cả các xã trong huyện. Với tổng dung lượng 3.349 KVA.

Đường dây và trạm: Đường dây 35KV của Ba Chẽ dài 142,855km, đến các trung tâm xã từ các trung tâm đến các thôn bản là đường hạ áp 0,4KV. Hiện tại có 48 trạm phân phối (cần đảm bảo thêm 10 trạm hạ áp năm 2015 công suất 50KVA). Đảm bảo cung cấp điện cho 100% dân cư trong huyện phát triển bám các trục giao thông giữa xã với các thôn bản.

Điện chiếu sáng: Đối với khu vực đô thị (thị trấn, trung tâm xã) chiếu sáng đường đảm bảo độ chói tối thiểu 0,2 - 0,4 Cd/m². Đối với xã, thôn đảm bảo độ rọi ≥ 3 Lux.

10.6. Thoát nước thải, VSMT: Hệ thống thoát nước thải đảm bảo thu gom các loại nước thải, xử lý trước khi thải ra nguồn chung. Bố trí các trạm xử lý

nước thải tại các khu vực như: Thị trấn, các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, các trung tâm vùng. Công suất tùy theo mật độ cư trú và quy mô các cụm công nghiệp.

- Khu vực đô thị (thị trấn, thị tứ, trung tâm xã), các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khu vực này sẽ quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng biệt. Thu gom nước thải ở các cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất trên địa bàn phải đảm bảo đạt $\geq 80\%$. Đảm bảo khoảng cách về môi trường và cây xanh cách ly tối thiểu $\geq 10m$.

- Khu vực các điểm dân cư nông thôn: Nằm rải rác, trước mắt xử lý cục bộ bằng bể tự hoại, lâu dài thu gom và xử lý tập trung.

Quy hoạch thu gom xử lý chất thải rắn: Bố trí mỗi xã có một trạm trung chuyển rác thải quy mô diện tích tối thiểu $1000m^2$. Các trạm tại xã có khoảng cách vệ sinh $\geq 20m$ đối với các công trình xung quanh. Bãi có hệ thống thoát và xử lý nước sơ bộ. Nhà máy xử lý chất thải ở huyện có khoảng cách an toàn vệ sinh với các công trình xung quanh là $\geq 500m$, có cây xanh xung quanh $\geq 20m$.

Quy hoạch nghĩa trang: Tổng diện tích nghĩa trang toàn huyện $11ha$. Bố trí hệ thống thoát nước và thu gom rác thải để đảm bảo vệ sinh, bố trí cách nguồn nước ít nhất là $300m$. Bố trí theo dạng hỗn hợp (hung táng và cát táng, khu vực riêng khác):

+ Phần hung táng và chôn cất 01 lần: Diện tích giành cho chôn cất 70% ; diện tích cho giao thông và phục vụ 30% .

+ Phần cát táng giành tối đa: Diện tích giành cho chôn cất 50% ; diện tích cho giao thông và các công trình phụ trợ khác 50% .

V. Định hướng quy hoạch giai đoạn 2010 - 2015:

1. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội.

1.1. Dân số lao động giai đoạn đầu: Đến năm 2015, Tổng dân số toàn huyện 20.608 người. Lao động khoảng 11.128 người, trong đó: Thị trấn Ba Chẽ là 4.420 người; xã Đồn Đạc là 5.442 người; xã Nam Sơn là 3.172 người; xã Thanh Sơn là 1.710 người; xã Thanh Lâm là 1.766 người; xã Đạp Thanh là 2.205 người; xã Lương Mông là 1.381 người; xã Minh Cầm là 512 người.

1.2. Định hướng phát triển dân cư và các công trình công cộng:

a. Các khu dân cư.

+ Dân cư đô thị: Định hướng phát triển trung tâm huyện lỵ giai đoạn đến 2015-2025 đô thị sẽ phát triển chủ yếu về phía Đông Nam (xuôi dòng sông Ba Chẽ). Quy mô phát triển khoảng $150ha$, quy mô dân cư 6.486 người vào năm 2025.

+ Các trung tâm cụm xã và xã: Các cụm xã và xã đã có quy hoạch chi tiết sẽ triển khai theo quy hoạch. Riêng các xã có các cụm công nghiệp như: Nam Sơn, Đạp Thanh, Thanh Lâm phát sinh các điểm dân cư mới phục vụ cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

+ Các điểm dân cư nông thôn: Hiện có 66 cụm dân cư. Theo năm 2015 nhân khẩu trung bình một hộ: 4 - 4,5 người/hộ.

b. Các công trình về giáo dục đào tạo:

+ Kiên cố hoá 100% trường tiểu học 8/8 trường, trung học cơ sở 8/8 trường ở các xã, thị trấn.

+ Giáo dục mầm non: 07 trường mầm non xã Lương Mông, Đạp Thanh, Thanh Lâm, Thanh Sơn, Nam Sơn, Đồn Đạc và thị trấn Ba Chẽ.

+ Giáo dục phổ thông: 09 trường đạt tiêu chuẩn quốc gia.

+ Phát triển các điểm trường có nội trú dân nuôi (có 08 điểm).

+ Giáo dục thường xuyên: 8/8 địa phương có trung tâm cộng đồng, 01 trung tâm giáo dục thường xuyên tại trung tâm huyện.

c. Các công trình về y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng: Trung tâm y tế huyện nâng cấp thành bệnh viện đa khoa huyện với quy mô 50 giường bệnh. Xây mới 03 phòng khám đa khoa ở các xã Đạp Thanh, Lương Mông, Đồn Đạc. Nâng cấp trạm y tế Đạp Thanh thành phân viện khu vực.

d. Các công trình về văn hoá thể thao:

+ Di tích lịch sử văn hoá: Đình Làng Dạ (Thanh Lâm), Khe Lao (Lương Mông).

+ Đầu tư trung tâm văn hoá huyện (phòng khán giả). Hoàn chỉnh đồng bộ cho trung tâm văn hoá thể thao liên xã tại 03 cụm: Đạp Thanh, Lương Mông, Đồn Đạc, các nhà văn hoá thôn.

+ Thư viện huyện: Nâng cấp 10.000 - 12.000 bản sách.

+ Củng cố, đầu tư đội thông tin lưu động huyện.

+ 100% các xã có khu vui chơi giải trí thiếu nhi.

+ Nâng cấp sân vận động huyện, xây thêm một sân cho thị trấn, sân tennis của huyện.

+ Trung tâm thể thao gắn với bể bơi, bóng chuyên.

+ Cụm thông tin cô động tại thị trấn Ba Chẽ.

1.3. Định hướng phát triển các công trình dịch vụ thương mại.

a. Thương mại:

+ Đầu tư nâng cấp chợ thị trấn Ba chẽ; chợ Lương Mông, Đạp Thanh, Thanh Lâm và chợ Tàu Tiên. Xây mới chợ Thanh Sơn, Nam Sơn.

+ Xây dựng các cửa hàng kiêm khu ở: Thôn Sơn Hải (Nam Sơn); Nam Kim (Đồn Đạc); thôn Khe Lò; thôn Khe Loọng trong (Thanh Sơn); thôn Đồng Lóng, làng Dạ (Thanh Lâm); Đồng Dong (Minh Cầm); Phiếng Liếng (Đạp Thanh).

+ Bố trí một cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tại thị trấn Ba Chẽ.

+ Xây dựng trung tâm thương mại của huyện tại Đầm Buôn.

+ Xây dựng một cửa hàng cung cấp khí đốt lỏng tại thị trấn.

+ Xây dựng một cụm công trình thương mại trên trục đường cầu Ba Chẽ

2.

b. Du lịch: Du lịch sinh thái Thác Trúc - Khe Lạnh (Thanh Sơn). Khe O - Nam Kim ngoài (Đồn Đạc). Đèo Giang. Du lịch sông Ba Chẽ.

c. Dịch vụ vận tải: Hàng hoá 150.000 tấn/năm; Hành khách 135.000 hành khách/năm. Tổ chức kết hợp với các bến, điểm dừng xe trên các tuyến giao thông trong huyện.

d. Các dịch vụ khác:

+ Phát triển loại hình dịch vụ: Tài chính ngân hàng, bưu chính viễn thông, đa dạng hoá hình thức huy động vốn, mở rộng các nghiệp vụ ngân hàng.

+ Dịch vụ: 05 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên tuyến Ba Chẽ - Lương Mông - Sơn Động, tỉnh lộ 329 và 342, thị trấn Ba Chẽ.

1.4. Định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Cụm công nghiệp xã Nam Sơn gắn với cảng thuỷ Nội địa Nam Sơn, quy mô diện tích khoảng 50ha; cụm công nghiệp xã Đạp Thanh, quy mô khoảng 50ha (địa điểm tại Bắc Xa); cụm công nghiệp xã Thanh Lâm, quy mô khoảng 40ha (địa điểm tại làng Lốc); các điểm sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở các xã, có quy mô khoảng 3 ÷ 4ha.

2. Quy hoạch đọt đầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

2.1. Quy hoạch giao thông:

- Nâng cấp đường tỉnh lộ: Tỉnh lộ 330 (Hải Lạng - Lương Mông), L= 65km. Tỉnh lộ 329 (Mông Dương - Ba Chẽ), L= 30km. Tỉnh lộ 342 (Kỳ Thượng - Thanh Lâm), L= 36km. Mặt cắt (1-1): $2,5m + 7,0m + 2,5m = 12,0m$.

- Đường huyện: L= 92,4km. Mặt cắt (2-2): $1,5m + 7,0m + 1,5m = 10m$.

- Đường xã: L= 122,8km. Mặt cắt (3-3): $1m + 5,5m + 1m = 7,5m$, L= 74km; Mặt cắt (4-4): $1,25m + 3,5m + 1,25m = 6m$, L= 48,8km.

- Đường đô thị trung tâm: Mặt cắt: $5m + 7m + 5m = 17m$. L= 7,2km.

- Nâng cấp các tuyến đường: Ba Chẽ-Lương Mông. Bắc Xa-Lâm Ca. Đồng Thầm - Bắc Lãng - Đình Lập (Lạng Sơn). Lương Mông - Tân ốc (Hoành Bồ). Xây mới đường Ba Chẽ - Khe Là.

2.2. Hệ thống thuỷ lợi, đê điều: Xây mới 10 đập dâng ở các xã và 03 hồ chứa nước; Sửa chữa nâng cấp 07 đập dâng; Kênh dẫn xây mới: 13 kênh; cải tạo xây mới 08 kênh, đập.

2.2. Quy hoạch cấp nước: Tổng lượng nước sinh hoạt là 5.672m³/ngđ. Công trình cấp nước đến năm 2015 như sau:

+ Xã Lương Mông: 05 công trình nước tự chảy, đường ống L = 10km.

+ Xã Minh Cầm: 01 công trình nước tự chảy đường ống L = 3,8km.

+ Xã Đạp Thanh: 05 công trình nước tự chảy, đường ống L = 8,31km.

- + Xã Thanh Sơn: 07 công trình nước tự chảy, đường ống L = 10,63km.
- + Xã Đồn Đạc: 15 công trình nước tự chảy, đường ống L = 17km.
- + Xã Nam Sơn: 08 công trình nước tự chảy, đường ống L = 3km.
- + Thị trấn Ba Chẽ: 02 công trình nước tự chảy, đường ống L = 3km.
- + Xã Thanh Lâm: 04 công trình nước tự chảy, đường ống L = 8km.

2.3. Quy hoạch cấp điện: Phụ tải điện đến 2015 là 7.908KW. Đường dây 35km. Trạm hạ áp 58 trạm (50KVA/trạm).

2.4. Bưu chính viễn thông, thông tin: Nâng cấp bưu điện huyện thành trung tâm bưu chính viễn thông của toàn huyện (bưu cục cấp 2). Xây mới 02 bưu cục cấp 3 tại xã Lương Mông và xã Đập Thanh. 100% các xã có bưu cục đạt loại 3.

- Công nghệ thông tin: Phủ sóng toàn bộ vùng huyện, 100% đường truyền dẫn cáp quang.

- Đài phát thanh: Nâng cấp, bổ sung máy phát hình 500W truyền hình không dây, thiết bị sản xuất chương trình bộ dụng phi tuyến, camera.

3. Quy hoạch sử dụng đất và phát triển không gian đô thị.

3.1. Quy hoạch sử dụng đất:

- Theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội huyện Ba chẽ giai đoạn đến 2015.

Stt	Loại đất	Năm 2010	Năm 2015
1	Đất sản xuất nông, lâm nghiệp	1.896,49	1.960,49
2	Đất phi nông nghiệp	57.382,0	57,382,0
	- Đất ở	1.284,0	1.284,0
	- Đất chuyên dùng	111,05	146,6
	- Đất sông suối	370,75	335,2
3	Đất chưa sử dụng	802,2	802,2
	Tổng	60.562,49	60.562,49

3.2. Phát triển không gian đô thị:

a. Trung tâm huyện lỵ: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết trung tâm huyện lỵ mở rộng đô thị về phía Đông Nam (xã Nam Sơn), phù hợp với tình hình phát triển Kinh tế - Xã hội.

b. Trung tâm liên xã: Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng các trung tâm liên xã Đập Thanh, Đồn Đạc, Lương Mông.

4. Các dự án đầu tư giai đoạn đầu đến năm 2015:

4.1. Thủy lợi: Xây mới đập Khe Phít (Đập Thanh), đập Khe Dít (Thanh Lâm).

4.2. Giao thông: Nâng cấp đường Ba Chẽ - Lương Mông. Nâng cấp đường Bắc Xa - Lâm Ca. Nâng cấp đường Đồn Thầm-Bắc Lãng - Đình Lập

(Lạng Sơn). Nâng cấp đường 329 Ba Chẽ - Mông Dương. Nâng cấp đường Lương Mông - Tân ốc (Hoành Bồ). Xây mới đường Ba Chẽ - Khe Là.

4.3. Du lịch: Du lịch sinh thái Thác Trúc, khe O, đèo Giang, nam Kim ngoài.

4.4. Thương mại: Xây dựng trung tâm thương Mại Đầm Buôn.

4.5. Hạ tầng xã hội: Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Ba chẽ. Xây dựng công trình thủy lợi hồ chứa nước sạch 9.000m³ tại Đạp Thanh.

4.5. Giáo dục đào tạo: Xây dựng giai đoạn 2 Trường trung học phổ thông Đạp Thanh, trường trung học phổ thông huyện Ba Chẽ.

4.6. Y tế: Xây dựng phân viện khu vực Đạp Thanh.

4.7. Thể dục, thể thao: Sân golf tại xã Đạp Thanh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Ủy ban Nhân dân huyện Ba Chẽ công bố công khai quy hoạch; thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định;

- Sở Xây dựng và các Sở ngành có liên quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước thuộc ngành; hướng dẫn Ủy ban Nhân dân huyện Ba Chẽ triển khai thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo quy định hiện hành;

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Ba Chẽ; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./76

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- Như điều 3 (thực hiện);
- V0, V2, QH1-2, QLĐĐ1, TM2, TH1;
- Lưu: VT, QH1.

30 bản-QĐ37

TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Độc